

Số: 44/2026/QĐST-HNGĐ

*Phú Thọ, ngày 09 tháng 4 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 1 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1996. Căn cước số: 040196010689; cấp ngày 19/5/2023; Nơi cấp: Cục C về TTXH. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Lê Việt D, sinh năm 2001. Căn cước số: 017201005889; cấp ngày 06/11/2022; Nơi cấp: Cục C về TTXH. Địa chỉ: Phố S, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2026

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị H và anh Lê Việt D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Lê Việt D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Lê Việt D có 02 con chung tên là Lê Minh D1, sinh ngày 22/11/2024, Lê Minh K, sinh ngày 22/11/2024. Chị Trương Thị H, anh Lê Việt D thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu Lê Minh D1 và Lê Minh K cho anh Lê Việt D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lê Minh D1, Lê Minh K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Trương Thị H có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000<sup>d</sup> (Bốn triệu đồng) kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Lê Minh D1, Lê Minh K đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

**2.3. Về tài sản, công nợ chung:** Không có.

**2.4. Về án phí:** Chị Trương Thị H thỏa thuận nhất trí nhận nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng cả hai khoản chị H phải nộp là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000023 ngày 05/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Trương Thị H đã nộp đủ án phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
  - VKSND khu vực 17 – Phú Thọ;
  - Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
  - UBND xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ;
- (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 08/5/2025);
- Đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án;
  - Lưu AV.

**THẨM PHÁN**

**Phan Thị Hà**

